

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GHOME**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GHOME

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GHOME INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GHOME INVESTMENT JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109894348

**3. Ngày thành lập:** 20/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

18BT06 Khu đô thị An Hưng, Đường Tố Hữu, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0922768888

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 4.  | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như:</li> <li>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</li> <li>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),</li> <li>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</li> <li>+ Uốn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái các công trình nhà để ở,</li> <li>+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</li> <li>+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390        |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8230        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6209        |
| 7.  | <p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết :</p> <p>Kinh doanh bất động sản</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6810(Chính) |
| 8.  | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ môi giới bất động sản</li> <li>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;</li> <li>- Dịch vụ quản lý bất động sản</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6820        |
| 9.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, thuế và hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7020        |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7110        |
| 11. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ hoạt động điều tra và các hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7320        |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410        |

|     |                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                     | 5510 |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)            | 5610 |
| 15. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                      | 5621 |
| 16. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                          | 5629 |
| 17. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                       | 5630 |
| 18. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>(Trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, thuế và hôn nhân có yếu tố nước ngoài) | 8219 |
| 19. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                             | 4101 |
| 20. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                       | 4102 |
| 21. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                 | 4211 |
| 22. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                  | 4212 |
| 23. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                      | 4221 |
| 24. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                           | 4222 |
| 25. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                            | 4223 |
| 26. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                             | 4229 |
| 27. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                    | 4299 |
| 28. | Phá dỡ<br>(không bao gồm hoạt động dò mìn, nổ mìn)                                                                                                            | 4311 |
| 29. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm hoạt động dò mìn, nổ mìn)                                                                                                 | 4312 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                         | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                                                     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THẾ<br>VIỆT  | Số 01 ngõ<br>79/40/26 Cầu<br>Giấy, Phường<br>Yên Hoà, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                                                               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 400.000       | 4.000.000.000            | 40,000       | 230862017                                                                                                              |            |
|     |                     |                                                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                                                                        | Tổng số                            | 400.000       | 4.000.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>ĐOÀN TÙNG | Căn S1512a,<br>Chung cư The<br>One Residence -<br>Đường 2.2 Khu<br>Đô Thị Gamuda<br>Gardens, ,<br>Phường Trần Phú,<br>Quận Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 400.000       | 4.000.000.000            | 40,000       | 132111923                                                                                                              |            |
|     |                     |                                                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                                                                        | Tổng số                            | 400.000       | 4.000.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                                     |                           |         |               |        |           |  |
|---|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | DƯ THỊ THANH THU' | 18BT06 khu đô thị An Hưng, đường Tố Hữu, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | 017262656 |  |
|   |                   |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                                                     | Tổng số                   | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 |           |  |
|   |                   |                                                                                                     |                           |         |               |        |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN CHUÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/02/1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 131042269

Ngày cấp: 27/12/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: Căn S1512a, Chung cư The One Residence - Đường 2.2 Khu Đô Thị Gamuda Gardens, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn S1512a, Chung cư The One Residence - Đường 2.2 Khu Đô Thị Gamuda Gardens, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội